

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VINH THẠNH  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31/8/2020

“V/v: Tranh chấp  
chia tài sản chung”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH THẠNH, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Mai Đào

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hữu Tạng

2. Ông Đinh Cư

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tín – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vinh Thanh, tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vinh Thanh, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Kiều Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại Hội trường xét xử - Tòa án nhân dân huyện Vinh Thanh, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 06/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp chia tài sản chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Lệ Th, sinh năm: 1974, địa chỉ: Thôn An Nội, xã Vĩnh Thịnh, huyện Vinh Thanh, tỉnh Bình Định – Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1972, địa chỉ: Thôn An Nội, xã Vĩnh Thịnh, huyện Vinh Thanh, tỉnh Bình Định – Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Vinh Thanh, tỉnh Bình Định. Địa chỉ: Khu phố Định Tân, thị trấn Vinh Thanh, huyện Vinh Thanh, tỉnh Bình Định. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Sỹ Th, chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang KH chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh (Theo Giấy ủy quyền số 153/UQ-NHNoVT ngày 27/7/2020) – Ông Kh có mặt.

- Chị Nguyễn Thị Ái Tr (sinh năm: 1997) và chị Nguyễn Thị Na Tr (sinh năm: 2002), cùng địa chỉ: Thôn An Nội, xã Vĩnh Thịnh, huyện Vinh Thanh, tỉnh Bình Định – Điều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 18/02/2020, được bổ sung bằng các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị Lệ Th trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ đầu năm 1997, không đăng ký kết hôn. Đến năm 2015, bà khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, yêu cầu “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” với ông T. Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 02/2015/HNGĐ-ST ngày 09/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh đã quyết định, tuyên xử: “*Về quan hệ hôn nhân*: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Lệ Th và anh Nguyễn Văn T”... Tại thời điểm này, đương sự không ai yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên Tòa án không xem xét.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết, giao cho bà được nhận toàn bộ tài sản chung bằng hiện vật, gồm: quyền sử dụng thửa đất số 1037, tờ bản đồ số 3, diện tích 300m<sup>2</sup> (*Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành T 861786, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02718 QSDĐ/G6, do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thạnh cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T vào ngày 25/11/2003*) và quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất, địa chỉ: Thôn An Nội, xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định. Nhà, đất hiện nay ông Nguyễn Văn T và các con chung (Nguyễn Thị Ái Tr, Nguyễn Thị Na Tr, Nguyễn Trần Ái Tr) đang trực tiếp quản lý, sử dụng; Giá trị tài sản chung theo định giá của Hội đồng định giá tài sản vào ngày 14/7/2020 là 139.774.464 đồng.

Về khoản nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định, số tiền vay: 50.000.000 đồng và lãi phát sinh thực tế (*Theo Hợp đồng tín dụng số 4313LAV201900508 ngày 09/4/2019; Tài sản thế chấp là nhà ở và quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 484/2014/HĐTC ngày 06/11/2014 đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Vĩnh Thạnh ngày 07/11/2014*). Ban đầu bà cho rằng: Bà và ông T có thể chấp tài sản, vay nợ Ngân hàng, nhưng thực tế số tiền vay 50.000.000 đồng ông T cho phía gia đình ông T sử dụng, bà không được sử dụng, nên bà yêu cầu ông T phải có trách nhiệm trả nợ số tiền gốc 50.000.000 đồng và lãi phát sinh thực tế cho Ngân hàng. Nhưng tại phiên tòa, bà thay đổi ý kiến, chấp nhận nghĩa vụ trả ½ trên tổng số tiền nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng. Bà yêu cầu: Chia phần tài sản chung cho ông T được hưởng bằng giá trị, khấu trừ nghĩa vụ trả nợ ½ của ông T, bà tự xác định sẽ thôi lại cho ông T số tiền 20.000.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Trong các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông xác nhận khối tài sản chung và nợ chung như bà Th trình bày là đúng, nhưng ông không chấp nhận yêu cầu của bà Th. Ông cho rằng: Sau khi Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân của ông bà, bà Th đã tự ra ngoài sống một mình, còn các con vẫn sống với ông, cùng ông trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản chung. Nay ông yêu cầu được nhận toàn bộ tài sản chung bằng hiện vật, gồm: Quyền sử dụng thửa đất số 1037 và quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất nói trên. Ông tự nhận nghĩa vụ trả nợ gốc 50.000.000 đồng và lãi phát sinh thực tế cho Ngân hàng, ông không yêu cầu bà Th trả nợ. Ông tự chia phần tài sản chung cho cả hộ gia đình và tự xác định sẽ thôi lại tiền cho bà Th là 20.000.000 đồng.

Trong lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định - Ông Nguyễn Quang Kh trình bày: Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Lệ Th:

Có trách nhiệm liên đới trả hết khoản nợ vay Ngân hàng với tổng số tiền gốc là 50.000.000 đồng và lãi phát sinh thực tế. Nếu không trả được nợ thì Ngân hàng tiến hành xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 484/2014/HĐTC ngày 06/11/2014 để thu hồi nợ theo quy định;

Nếu một bên được nhận sở hữu, sử dụng tài sản đang thế chấp và thối trả lại phần giá trị tài sản cho bên kia (Sau khi đã trừ đi nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng của bên được thối trả), thì bên nhận sở hữu, sử dụng tài sản đang thế chấp có trách nhiệm trả hết khoản nợ vay ngân hàng với tổng số tiền gốc là 50.000.000 đồng và lãi phát sinh thực tế. Nếu không trả được nợ thì Ngân hàng tiến hành xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 484/2014/HĐTC ngày 06/11/2014 để thu hồi nợ theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ái Tr và chị Nguyễn Thị Na Tr đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, nhưng trong lời khai có trong hồ sơ vụ án, cả chị Ái Tr và chị Na Tr đều xác nhận: Sau khi Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân của cha mẹ (ông T bà Th), cuộc sống gia đình thay đổi, ông T thường hay uống rượu say xỉn, tranh giành tài sản, nhiều mâu thuẫn tiếp tục xảy ra, nên bà Th phải ra ngoài, dựng tạm ngôi nhà lợp tôn, xung quanh quây bằng bạt, diện tích khoảng 20m<sup>2</sup> trên đất hoang để ở; Các con chung đều muốn sống theo mẹ nhưng vì điều kiện nhà ở, sinh hoạt của bà Th quá khó khăn, thiếu thốn đủ thứ, không phù hợp cho việc học tập nên các con sống với cha tại ngôi nhà của gia đình (*Bà Th và 03 con chung nhập chung sổ hộ khẩu, còn ông T có sổ hộ khẩu riêng*). Bà Th vẫn làm lụng, đi qua lại trực tiếp chăm lo cuộc sống cho các con, còn ông T rất ít khi quan tâm đến các con. Chị Ái Tr và chị Na Tr đều có nguyện vọng giao lại cho bà Th phần tài sản mình được phân chia và yêu cầu Tòa án giao lại toàn bộ tài sản chung bằng hiện vật cho bà Th để bà Th ổn định cuộc sống, tiếp tục trực tiếp chăm lo cho các con chung, không ai có ý kiến gì khác.

***Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

*Về ý kiến giải quyết vụ án:* Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hôm nay: Căn cứ Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 219 Bộ luật dân sự, khoản 29 Điều 3 Luật đất đai: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Lệ Th. Chia tài sản chung cho bà Trần Thị Lệ Th bằng hiện vật: Bà Th được quyền sở hữu tài sản là quyền

sử dụng đất và nhà ở nêu trên. Bà Th được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký, kê khai để chỉnh lý biến động đối với tài sản được nhận. Chia tài sản chung cho ông Nguyễn Văn T bằng giá trị: Ông T được nhận số tiền 20.250.000 đồng tương ứng với tỷ lệ  $\frac{1}{4}$  giá trị quyền sử dụng đất (81.000.000 đồng) và được nhận số tiền 29.382.232 đồng tương ứng với tỷ lệ  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản là nhà (58.774.464 đồng).

Bà Th, ông T mỗi người phải có nghĩa vụ trả  $\frac{1}{2}$  trên tổng số nợ 50.000.000 đồng đối với Ngân hàng là 25.000.000 đồng. Bà Th là người được nhận nhà và quyền sử dụng đất nên có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng và lãi phát sinh thực tế sau khi đã khấu trừ phần nghĩa vụ trả nợ của ông T. Như vậy, sau khi trừ đi  $\frac{1}{2}$  số tiền nợ Ngân hàng của ông T là 25.000.000 đồng, bà Th có nghĩa vụ thối lại tiền chênh lệch cho ông T là 24.637.232 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:** Đây là quan hệ pháp luật về “*Tranh chấp chia tài sản chung*” quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng, đủ về thủ tục tố tụng, tạo điều kiện, đảm bảo quyền của đương sự tham gia tố tụng theo quy định. Các đương sự đều chấp hành nghiêm túc, đầy đủ.

Tòa án đã tổng đạt, thông báo, triệu tập họp lệ lần thứ nhất, nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ái Tr, chị Nguyễn Thị Na Tr đều vắng mặt, đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ái Tr, chị Na Tr.

### **[2]. Xét yêu cầu của các đương sự trong vụ án, nhận thấy:**

#### **\* Về tài sản chung:**

Bà Trần Thị Lệ Th và ông Nguyễn Văn T không đăng ký kết hôn, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến năm 2015, sinh được 03 con chung là: Chị Nguyễn Thị Ái Tr (sinh năm: 1997), chị Nguyễn Thị Na Tr (sinh năm: 2002) và cháu Nguyễn Trần Ái Tr (sinh năm: 2009). Quá trình chung sống đã tạo dựng được khối tài sản chung, gồm:

- Quyền sử dụng thửa đất số 1037, tờ bản đồ số 3, diện tích 300m<sup>2</sup>, địa chỉ: Thôn An Nội, xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định (*Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành T 861786, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02718 QSDĐ/G6, do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thạnh cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T vào ngày 25/11/2003*). Tại thời điểm được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất thì hộ gia đình ông T gồm có 04

thành viên, gồm: Ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Lệ Th, chị Nguyễn Thị Ái Tr, chị Nguyễn Thị Na Tr. Do đó, quyền sử dụng thửa đất số 1037 được xác định là tài sản chung của ông T, bà Th, chị Ái Tr và chị Na Tr, mỗi người được hưởng  $\frac{1}{4}$  giá trị tài sản chung (Theo khoản 29 Điều 3 Luật đất đai năm 2013); Theo định giá của Hội đồng định giá tài sản thì trị giá thửa đất là  $270.000 \text{ đồng} \times 300\text{m}^2 = 81.000.000 \text{ đồng}$ ; Chia 04 phần, mỗi người được 20.250.000 đồng;

- Nhà ở gắn liền với thửa đất số 1037 là: 01 ngôi nhà cấp N8, nhà 01 tầng, tường xây gạch, không trần, mái ngói, chiều cao trung bình 03m, diện tích  $81,36\text{m}^2$ , được bà Thủy và ông Tư cùng xây dựng vào năm 2002, công sức đóng góp ngang nhau. Theo định giá của Hội đồng định giá tài sản, ngôi nhà có giá:  $1.806.000 \text{ đồng/m}^2 \times 81,36\text{m}^2 = 146.936.160 \text{ đồng}$ . Khấu hao, giá trị còn lại của ngôi nhà là 40%, có giá:  $146.936.160 \text{ đồng} \times 40\% = 58.774.464 \text{ đồng}$ . Chia 02 phần, bà Th và ông T mỗi người được 29.387.232 đồng.

Như vậy, khi phân chia tài sản chung bằng giá trị, bà Th và ông T mỗi người được nhận giá trị là: 49.637.232 đồng, chị Ái Tr và chị Na Tr mỗi người được nhận giá trị là 20.250.000 đồng.

Nay, cả bà Th và ông T đều yêu cầu, mong muốn được quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở đối với toàn bộ tài sản chung; Nhưng qua xác minh, xem xét điều kiện cuộc sống thực tế của các đương sự, ghi nhận yêu cầu, nguyện vọng của chị Ái Tr, chị Na Tr, nhằm bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ và các con; Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu của bà Th, giao toàn bộ tài sản chung nói trên bằng hiện vật, gồm quyền sử dụng thửa đất số 1037, quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất cho bà Th, xác định phần bà Th được nhận có tổng giá trị là: **90.137.232 đồng** (  $49.637.232 \text{ đồng} + (20.250.000 \text{ đồng} \times 2)$  ); Còn ông T được chia tài sản chung bằng giá trị là **49.637.232 đồng (Chưa tính khấu trừ nghĩa vụ trả nợ)**, là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Các Điều 102, 212, 219 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 29 Điều 3 Luật đất đai năm 2013.

**\* Về nợ chung:**

Bà Trần Thị Lệ Th và ông Nguyễn Văn T có nợ chung Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định với số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và lãi phát sinh thực tế (Theo Hợp đồng tín dụng số 4313LAV201900508 ngày 09/4/2019; Tài sản thế chấp là nhà ở và quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 484/2014/HĐTC ngày 06/11/2014 đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Vĩnh Thạnh ngày 07/11/2014).

Xét yêu cầu của ông T tự nguyện nhận nghĩa vụ trả nợ gốc 50.000.000 đồng và lãi phát sinh cho Ngân hàng với điều kiện giao cho ông được quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở đối với toàn bộ tài sản chung, là không phù hợp nên không được chấp nhận.

Xét yêu cầu của bà Th và Ngân hàng là hoàn toàn phù hợp, nên được chấp nhận. Theo đó: Bà Th và ông T mỗi người phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng và lãi phát sinh thực tế. Nhưng bà Th được nhận toàn bộ hiện vật tài sản chung, nên sau khi khấu trừ phần nghĩa vụ trả

nợ của ông T trong giá trị tài sản ông T được chia, bà Th phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ vay với tổng số tiền gốc là 50.000.000 đồng và lãi phát sinh thực tế cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định, là hoàn toàn phù hợp với các quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

\* Như vậy, sau khi phân chia tài sản chung và khấu trừ nghĩa vụ trả nợ chung cho Ngân hàng thì bà Th phải thanh toán lại cho ông T số tiền chênh lệch còn lại là: **24.637.232 đồng** (49.637.232 đồng – 25.000.000 đồng).

**[3]. Về chi phí tố tụng:** Căn cứ các Điều 157, 158, 165, 166 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Bà Trần Thị Lệ Th đã nộp tạm ứng chi phí định giá tài sản và xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Nay bà Th tự nguyện chịu và đã thanh toán xong số tiền này, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà Th.

**[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Bà Trần Thị Lệ Th phải chịu 4.506.862 đồng (90.137.232 đồng x 5%), nhưng bà Th được miễn nộp toàn bộ án phí Tòa án vì thuộc diện hộ nghèo năm 2020;

- Ông Nguyễn Văn T phải chịu 1.231.862 đồng (24.637.232 đồng x 5%) sung quỹ Nhà nước.

- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định được hoàn trả lại số tiền 1.250.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009789 ngày 27/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.

**[5].** Với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào:

- Khoản 7 Điều 28; Các Điều 35, 39, 147, 157, 158, 165, 166; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 102, 212, 219, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 29 Điều 3 Luật đất đai năm 2013;

- Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

**Tuyên xử:**

\* **Về chia tài sản chung:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Lệ Th;

- Ghi nhận sự tự nguyện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ái Tr và chị Nguyễn Thị Na Tr;

Chia giao tài sản chung cho bà Trần Thị Lệ Th được nhận bằng hiện vật, gồm:

+ Quyền sử dụng thửa đất số 1037, tờ bản đồ số 3, diện tích 300m<sup>2</sup>, địa chỉ: Thôn An Nội, xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định (*Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành T 861786, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02718 QSDĐ/G6, do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thạnh cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T vào ngày 25/11/2003*);

+ Quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất là: 01 ngôi nhà cấp N8, nhà 01 tầng, tường xây gạch, không trần, mái ngói, chiều cao trung bình 03m, diện tích 81,36m<sup>2</sup>, được bà Th và ông T cùng xây dựng vào năm 2002;

Nhà, đất có giới cận: Phía Đông giáp tờ số 01; Phía Tây giáp đất hoang; Phía Nam giáp đường liên xã; Phía Bắc giáp đất hoang (*Có trích lục bản đồ địa chính kèm theo*).

Giá trị của tài sản chung bà Th được nhận là **90.137.232 đồng (Chín mươi triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn, hai trăm ba mươi hai đồng)**.

*Bà Trần Thị Lệ Th có quyền đến cơ quan chức năng thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, nhà ở đối với tài sản được nhận theo quy định của pháp luật.*

- Không chấp nhận yêu cầu chia giao tài sản chung của bị đơn ông Nguyễn Văn T.

- Chia tài sản chung cho ông Nguyễn Văn T bằng giá trị; Bà Trần Thị Lệ Th có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền chênh lệch còn lại là **24.637.232 đồng (Hai mươi bốn triệu, sáu trăm ba mươi bảy nghìn, hai trăm ba mươi hai đồng)**.

**\* Về nợ chung:**

- Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn ông Nguyễn Văn T;

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Lệ Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định: Bà Th và ông T mỗi người phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng và lãi phát sinh thực tế. Nhưng bà Th được nhận toàn bộ hiện vật tài sản chung, nên sau khi khấu trừ phần nghĩa vụ trả nợ của ông T trong giá trị tài sản ông T được chia, bà Th phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ vay với tổng số tiền gốc là **50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng)** và lãi phát sinh thực tế cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.

*\* Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

*\* Trường hợp bà Trần Thị Lệ Th không trả được nợ thì Ngân hàng tiến hành xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp các bên đã ký kết để thu hồi nợ theo quy định.*

**Về chi phí tố tụng:** Nguyên đơn bà Trần Thị Lệ Th đã tự nguyện chịu và thanh toán xong số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

***Về án phí dân sự sơ thẩm:***

+ Bà Trần Thị Lệ Th phải chịu 4.506.862 đồng (Bốn triệu, năm trăm lẻ sáu nghìn, tám trăm sáu mươi hai đồng), nhưng bà Thủy được miễn nộp toàn bộ án phí Tòa án vì thuộc diện hộ nghèo năm 2020;

+ Ông Nguyễn Văn T phải chịu **1.231.862 đồng (Một triệu, hai trăm ba mươi một nghìn, tám trăm sáu mươi hai đồng)** sung quỹ Nhà nước.

- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định được hoàn trả lại số tiền **1.250.000 đồng (Một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng)**, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009789 ngày 27/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Đối với đương sự (Bị đơn ông Nguyễn Văn T; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ái Tr và chị Nguyễn Thị Na Tr) không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (Mười lăm) ngày được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- Phòng KTNV và THA – TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- CCTHADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Thị Mai Đào**